

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2020
Về việc: “Ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thượng.

2. Bà Nguyễn Thị Thay.

Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 335/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị M, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ A, ấp Tân Đ, xã Tân Th, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ A, ấp Tân Đ, xã Tân Th, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại Đơn khởi kiện và qua lời trình bày trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa xét xử như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị M và anh Nguyễn Thanh H sống chung với nhau năm 2011, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Th, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 24-3-2014, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian sống chung ban đầu hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh nhiều nguyên nhân do bất đồng ý kiến, mâu thuẫn tài chính, anh H không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đến đầu tháng 6 năm 2020 thì vợ chồng ly thân cho đến nay nên chị M yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Trí H, sinh ngày 28-10-2011; Nguyễn Trí V, sinh ngày 25-9-2016 và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 05-01-2019; hiện nay 03 con chung đang sống với anh H.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Nếu có ai khởi kiện thì chị đồng ý giải quyết ở vụ án khác.

Nay chị M xin ly hôn anh Nguyễn Thanh H, sau ly hôn, chị M tự nguyện giao 03 con chung cho anh H nuôi dưỡng do hiện nay chị M đang là công nhân tại Công ty TNHH Gain Lucky tại Khu công nghiệp xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh với mức lương trung bình 6.600.000 đồng/ tháng và do các con ở với anh H từ nhỏ và chị M đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng/cháu/ tháng cho các cháu (Nguyễn Trí V, sinh ngày 25-9-2016 và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 05-01-2019).

*** Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:**

Anh Nguyễn Thanh H thống nhất với phần trình bày của chị M về thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn, mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay chị M xin ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn. Hiện nay 03 con chung đang sống với anh, nếu ly hôn anh H yêu cầu nuôi 03 con chung, yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi cháu Viễn và cháu Nữ, mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng/01 cháu, không yêu cầu chị M cấp dưỡng đối với cháu Hào. Tại phiên tòa xét xử hôm nay, anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không cung cấp thêm chứng cứ, lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị M đối với anh Nguyễn Thanh H. Giao các con chung tên Nguyễn Trí Hào, sinh ngày 28-10-2011; Nguyễn Trí V, sinh ngày 25-9-2016 và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 05-01-2019 cho anh Nguyễn Thanh H nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh H đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa xét xử dù được triệu tập hợp lệ vắng mặt, không cung cấp chứng cứ, lời trình bày thêm nên căn cứ vào Điều 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Trương Thị M, anh Nguyễn Thanh H đã có mâu thuẫn, không còn thương yêu quý trọng, chăm sóc giúp đỡ

nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân trong thời gian dài. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị M nhất quyết xin ly hôn không đồng ý đoàn tụ và anh Nguyễn Thanh H cũng đồng ý ly hôn (Bút lục 18). Bên cạnh đó, đại diện Viện kiểm sát cũng đề xuất ý kiến giải quyết cho chị Trương Thị M ly hôn với anh Nguyễn Thanh H nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị M với anh Nguyễn Thanh H là phù hợp. Cho chị Trương Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

[3] **Về con chung:** Do cháu Nguyễn Trí H, sinh ngày 28-10-2011 mong muốn được sống chung với anh Nguyễn Thanh H và đối với 02 con chung còn lại Nguyễn Trí V, sinh ngày 25-9-2016 và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 05-01-2019 chị M và anh H thỏa thuận giao cho anh Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cần ghi nhận. Tại phiên tòa, chị Trương Thị M thống nhất về mức cấp dưỡng nuôi con như anh H yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận việc chị Trương Thị M cấp dưỡng nuôi 02 con chung (Nguyễn Trí V, sinh ngày 25-9-2016 và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 05-01-2019) mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu là phù hợp. Chị Trương Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung:** Chị Trương Thị M, anh Nguyễn Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] **Về nợ chung:** Chị Trương Thị M, anh Nguyễn Thanh H trình bày không có.

[6] **Về án phí:** Chị Trương Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận đơn của chị Trương Thị M xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh H. Cho chị Trương Thị M ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2. **Về con chung:** Giao con chung Nguyễn Trí H, sinh ngày 28-10-2011, Nguyễn Trí V, sinh ngày 25-9-2016, Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 05-01-2019 cho anh Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Buộc chị Trương Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung (Nguyễn Trí V, Nguyễn Thị Ngọc N) mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng/1 cháu đến khi thành niên, thời hạn tính từ khi án có hiệu lực pháp luật. Chị Trương Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về tài sản chung:** Chị Trương Thị M, anh Nguyễn Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. **Về nợ chung:** Chị Trương Thị M, anh Nguyễn Thanh H trình bày không có.

5. **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Chị Trương Thị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã

nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000720 ngày 08-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chi Trương Thị M đã nộp đủ án phí.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường, thị trấn nơi đăng ký kết hôn;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu (Hi).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Trọng Hiếu